

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH GIA LAI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 83/2018/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 12 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về tổ chức mạng lưới,
cơ chế hoạt động, nhiệm vụ và chế độ đối với đội ngũ
cộng tác viên giảm nghèo giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 1273/TTr-UBND ngày 15/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về tổ chức mạng lưới, cơ chế hoạt động, nhiệm vụ và chế độ đối với đội ngũ cộng tác viên giảm nghèo giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về tổ chức mạng lưới, cơ chế hoạt động, nhiệm vụ và chế độ đối với đội ngũ cộng tác viên giảm nghèo đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XI - Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2018. /

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Ủy ban TVQH;
- VPQH; VPCP;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT-TH.



Dương Văn Trang

**Về tổ chức mạng lưới, cơ chế hoạt động,
nhiệm vụ và chế độ đối với đội ngũ cộng tác viên làm
công tác giảm nghèo giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 83/2018/NQ-HĐND
ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tổ chức mạng lưới, cơ chế hoạt động, nhiệm vụ và chế độ đối với đội ngũ cộng tác viên làm công tác giảm nghèo giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cộng tác viên làm công tác giảm nghèo
2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Tổ chức mạng lưới, tiêu chuẩn và tuyển chọn cộng tác viên làm công tác giảm nghèo

- c) Ưu tiên người đang cư trú trên địa bàn xã, thị trấn, thôn (làng), người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số tại khu vực có hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới

thoát nghèo.

3. Tuyển chọn cộng tác viên làm công tác giảm nghèo

Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách cộng tác viên làm công tác giảm nghèo, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Điều 4. Cơ chế hoạt động của cộng tác viên làm công tác giảm nghèo

Cộng tác viên làm công tác giảm nghèo hoạt động dưới sự chỉ đạo của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện và sự kiểm tra, giám sát của Ủy ban nhân dân cấp xã. Cộng tác viên làm công tác giảm nghèo trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố họp với phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện 01 lần/tháng (vào tuần cuối cùng của tháng), đề báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công trong tháng và nhận nhiệm vụ của tháng tiếp theo. Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất khi được yêu cầu, cộng tác viên làm công tác giảm nghèo báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Cộng tác viên làm công tác giảm nghèo thường xuyên không hoàn thành nhiệm vụ được giao thì được thay thế bằng người khác.

Điều 5. Nhiệm vụ của cộng tác viên làm công tác giảm nghèo

1. Phối hợp tuyên truyền chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác giảm nghèo; tham gia các hoạt động truyền thông về giảm nghèo, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ, nhất là các dự án hỗ trợ hộ nghèo phát triển sản xuất tại cộng đồng.

2. Tham gia phối hợp triển khai thực hiện các chính sách, chương trình giảm nghèo; trợ giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; kết nối các nguồn lực hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo.

3. Thu thập, tiếp nhận thông tin, yêu cầu trợ giúp của hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn để báo cáo kịp thời với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, công chức làm công tác lao động - thương binh và xã hội cấp xã có hướng giải quyết.

4. Phối hợp với công chức làm công tác lao động - thương binh và xã hội cấp xã theo dõi, đánh giá diễn biến tình hình hộ phát sinh nghèo, cận nghèo hoặc thoát nghèo trong năm, đề xuất cấp có thẩm quyền thực hiện các biện pháp trợ giúp kịp thời, phù hợp. Phối hợp đánh giá tình hình an ninh trật tự do thực trạng nghèo khó và chính sách giảm nghèo tác động để có chính sách hỗ trợ cho phù hợp với các nhóm đối tượng.

5. Tham gia các cuộc điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo tổ chức tại địa bàn và tập huấn nghiệp vụ công tác giảm nghèo.

6. Tham gia kiểm tra, giám sát, rà soát và định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các chính sách, chương trình giảm nghèo trên địa bàn.

7. Cộng tác viên làm công tác giảm nghèo thực hiện công việc cụ thể thông qua kế hoạch công tác năm và chương trình công tác cụ thể hàng tháng trên địa bàn xã, phường, thị trấn do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện giao và báo cáo kết quả thực hiện hàng tháng cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện.

Điều 6. Chế độ của cộng tác viên làm công tác giảm nghèo

1. Phụ cấp hàng tháng cho cộng tác viên làm công tác giảm nghèo bằng 0,5 lần mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang ban hành tại Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ và các Nghị định thay thế (nếu có).

2. Cộng tác viên làm công tác giảm nghèo được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nhằm nâng cao năng lực thực hiện giảm nghèo do cấp huyện, cấp tỉnh tổ chức; được tham gia các cuộc họp sơ kết, tổng kết công tác giảm nghèo bền vững ở địa phương.

Điều 7. Trách nhiệm của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức đoàn thể chính trị xã hội - cấp xã

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, theo dõi các hoạt động của mạng lưới cộng tác viên giảm nghèo trên địa bàn cấp huyện; chi trả chế độ phụ cấp hàng tháng của cộng tác viên làm công tác giảm nghèo trên địa bàn; hướng dẫn, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho cộng tác viên làm công tác giảm nghèo; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện lựa chọn nhân sự khác để thay thế những cộng tác viên làm công tác giảm nghèo thường xuyên không hoàn thành nhiệm vụ.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp, tạo điều kiện cho cộng tác viên làm công tác giảm nghèo tham gia vào các hoạt động, chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tại địa phương; kiểm tra, giám sát hoạt động của cộng tác viên làm công tác giảm nghèo trên địa bàn.

3. Tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã được chọn cử cán bộ tham gia cộng tác viên làm công tác giảm nghèo có trách nhiệm bố trí công việc phù hợp cho cán bộ tham gia cộng tác viên làm công tác giảm nghèo; lồng ghép nhiệm vụ chuyên môn và nhiệm vụ cộng tác viên làm công tác giảm nghèo hợp lý, tránh chồng chéo.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

Ngân sách tỉnh đảm bảo thực hiện chế độ cho cộng tác viên làm công tác giảm nghèo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 3 Quy định này. /.

CHỦ TỊCH



Dương Văn Trang



PHỤ LỤC

DANH MỤC 70 XÃ, THỊ TRẤN

(Kèm theo Nghị quyết số 83/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh)

TT	Địa phương	Tên xã, phường, thị trấn	Số lượng cộng tác viên	Ghi chú
I	HUYỆN KÔNG CHRO		14	
1		Xã Ya Ma	01	Xã, thị trấn thuộc huyện nghèo
2		Xã Chơ Long	01	
3		Xã Yang Nam	01	
4		Xã Đăk Tơ Pang	01	
5		Xã Đăk Kơ Ning	01	
6		Xã Đăk Pơ Pho	01	
7		Xã Chư Krey	01	
8		Xã SRó	01	
9		Xã Đăk Pling	01	
10		Xã Đăk Song	01	
11		Thị trấn Kông Chro	01	
12		Xã An Trung	01	
13		Xã Kông Yang	01	
14		Xã Yang Trung	01	
II	HUYỆN ĐỨC CƠ		5	
1		Xã Ia Lang	01	Xã đặc biệt khó khăn
2		Xã Ia Kriêng	01	
3		Xã Ia Dom	01	Xã biên giới
4		Xã Ia Pnôn	01	
5		Xã Ia Nan	01	
III	HUYỆN ĐAK ĐOA		4	
1		Xã Hà Đông	01	Xã đặc biệt khó khăn
2		Xã Kon Gang	01	
3		Xã Đak Somei	01	
4		Xã A Dok	01	
IV	HUYỆN ĐAK PƠ		1	
1		Xã Ya Hội	01	Xã đặc biệt khó khăn
V	HUYỆN KBANG		7	
1		Xã Kon Pne	01	Xã đặc biệt khó khăn
2		Xã Đăk Rong	01	
3		Xã Krong	01	
4		Xã Kông Long Khong	01	
5		Xã Đăk Smar	01	
6		Xã Lơ Ku	01	
7		Xã Kông Bờ La	01	
VI	HUYỆN KRÔNG PA		10	
1		Xã Chư Ngọc	01	Xã đặc biệt khó khăn
2		Xã Đất Bằng	01	
3		Xã Ia Rmok	01	
4		Xã Ia Dreh	01	
5		Xã Rrông Năng	01	
6		Xã Chư Gu	01	

7		Xã Ia Rsai	01	
8		Xã Ia Rsuom	01	
9		Xã Uar	01	
10		Xã Chư Đrăng	01	
VII	HUYỆN IA PA		3	
1		Xã Ia Kdăm	01	Xã đặc biệt khó khăn
2		Xã Pờ Tó	01	
3		Xã Ia Broãi	01	
VIII	HUYỆN PHÚ THIỆN		2	
1		Xã Chư A Thai	01	Xã đặc biệt khó khăn
2		Xã Ia Yeng	01	
IX	HUYỆN CHƯ PRÔNG		03	
1		Xã Ia O	01	Xã đặc biệt khó khăn
2		Xã Ia Púch	01	Xã biên giới và là xã ĐBKK
3		Xã Ia Mor	01	
X	HUYỆN MANG YANG		5	
1		Xã Lơ Pang	01	Xã đặc biệt khó khăn
2		Xã Đăk Trôi	01	
3		Xã Kon Chiêng	01	
4		Xã Đak Jơ Ta	01	
5		Xã Đê Ar	01	
XI	HUYỆN CHƯ SÊ		3	
1		Xã A Yun	01	Xã đặc biệt khó khăn
2		Xã HBông	01	
3		Xã Kông Htok	01	
XII	HUYỆN CHƯ PĂH		7	
1		Xã Ia Kreng	01	Xã đặc biệt khó khăn
2		Xã Chư Jôr	01	
3		Xã Chư Đang Ya	01	
4		Xã Hà Tây	01	
5		Xã Đăk Tơ Ver	01	
6		Xã Ia Phí	01	
7		Xã Ia Ka	01	
XIII	HUYỆN CHƯ PŨH		4	
1		Xã Ia Rong	01	Xã đặc biệt khó khăn
2		Xã Chư Don	01	
3		Xã Ia Hla	01	
4		Xã Ia Dreng	01	
IV	HUYỆN IAGRAI		2	
1		Xã Ia O	01	Xã biên giới
2		Xã Ia Chía	01	